

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG

CUNG CẤP VÀ TRIỂN KHAI GIẢI PHÁP PHÒNG CHỐNG THẤT THOÁT DỮ LIỆU TẠI PVCOMBANK NĂM 2025

Số:/...../HDKT/PVB-....

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Luật Thương Mại số 35/2005/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày ... tháng năm 2025 tại Hà Nội, Chúng tôi gồm:

BÊN A: NGÂN HÀNG TMCP ĐẠI CHỨNG VIỆT NAM

Địa chỉ :

Điện thoại :

Mã số thuế :

Đại diện :

Chức vụ :

Giấy ủy quyền :

*Sau đây gọi tắt là “**Bên A**” hoặc “**PVcomBank**”*

BÊN B: CÔNG TY

Địa chỉ :

Điện thoại :

Mã số thuế :

Đại diện :

Chức vụ :

Giấy ủy quyền :

*Sau đây gọi tắt là “**Bên B**”*

Đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng cung cấp và triển khai “Giải pháp phòng chống thất thoát dữ liệu tại PVcomBank năm 2025” (sau đây gọi là “Hợp đồng”) với các nội dung như sau:

Điều 1. Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý:

1.1. Thành phần Hợp đồng:

Các bên thống nhất thành phần Hợp đồng như sau:

- a. Hợp đồng này và các Phụ lục Hợp đồng kèm theo, bao gồm:
 - (i) Phụ lục Hợp đồng số 01: Các điều khoản thương mại;
 - (ii) Phụ lục Hợp đồng số 02: Phạm vi công việc;
 - (iii) Phụ lục Hợp đồng số 03: Yêu cầu về nhân sự;
 - (iv) Phụ lục Hợp đồng số 04: Quy định về bảo hành, bảo trì và dịch vụ hỗ trợ;
 - (v) Phụ lục Hợp đồng số 05: Tiến độ triển khai công việc;
 - (vi) Phụ lục Hợp đồng số 06: Thỏa thuận bảo mật thông tin.
- b. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Bên B;
- c. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);
- d. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;
- e. Các thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng;
- f. Các văn bản, phụ lục sửa đổi, bổ sung (nếu có);
- g. Các biên bản bàn giao; biên bản nghiệm thu từng giai đoạn;
- h. Biên bản nghiệm thu tổng thể.

1.2. Thứ tự ưu tiên Hợp đồng:

Các Bên thống nhất rằng, các thành phần Hợp đồng này được xây dựng trên nguyên tắc thống nhất. Trường hợp, có bất kỳ sự mâu thuẫn/ không thống nhất nào giữa các phần của Hợp đồng, thứ tự ưu tiên áp dụng sẽ được xác định theo thứ tự tăng dần từ điểm (a) đến (h) Khoản 1 Điều này. Các Phụ lục sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng sẽ có giá trị ưu tiên cao hơn nội dung tại Hợp đồng trong trường hợp có bất kỳ sự mâu thuẫn nào.

Điều 2. Định nghĩa

- 2.1. Hàng hóa là toàn bộ phần mềm thuộc giải pháp phòng chống thất thoát dữ liệu được nêu tại Phụ lục Hợp đồng số 01. Hàng hóa phải đáp ứng được các yêu cầu tại Phụ lục Hợp đồng số 01 của Hợp đồng này.
- 2.2. Dịch vụ: Là các công việc mà Bên B phải thực hiện liên quan đến việc Dịch vụ triển khai phân loại dữ liệu, xây dựng chính sách/quy trình/quy định về phòng chống thất thoát dữ liệu (DLP); triển khai công cụ DLP (triển khai cài đặt và đào tạo chuyên gia công nghệ); bảo hành, bảo trì Hàng hóa theo quy định tại Khoản 3.2 Điều 3 của Hợp đồng này.
- 2.3. Bản quyền: Là bất kỳ quyền về sở hữu trí tuệ, thương hiệu; giấy phép; và các quyền về tài sản và trí tuệ khác được cấp cho người sở hữu theo công ước Berne hoặc Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam;
- 2.4. Biên bản nghiệm thu tổng thể là biên bản nghiệm thu cuối cùng đã được đại diện có thẩm quyền PVcomBank và Bên B ký xác nhận. Biên bản nghiệm thu tổng thể đảm

bảo tất cả các hạng mục công việc trong Hợp đồng đã được Bên B thực hiện và bàn giao đầy đủ cho PVcomBank.

2.5. Ngày làm việc: Là các ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, trừ thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 3. Phạm vi Hợp đồng

Bằng Hợp đồng này, Bên B đồng ý cung cấp bản quyền toàn bộ phần mềm thuộc giải pháp phòng chống thất thoát dữ liệu tại PVcomBank năm 2025 (và dịch vụ triển khai phân loại dữ liệu, xây dựng chính sách/quy trình /quy định về phòng chống thất thoát dữ liệu (DLP); dịch vụ triển khai công cụ DLP (triển khai cài đặt và đào tạo chuyển giao công nghệ); bảo hành, bảo trì cho PVcomBank bao gồm các công việc sau:

- 3.1. Cung cấp các Hàng hóa là toàn bộ phần mềm thuộc giải pháp phòng chống thất thoát dữ liệu tại PVcomBank năm 2025 với số lượng, chất lượng, chủng loại theo quy định tại Phụ lục Hợp đồng số 01 và đáp ứng các yêu cầu tại Phụ lục Hợp đồng số 02 của Hợp đồng;
- 3.2. Cung cấp Dịch vụ triển khai phân loại dữ liệu, xây dựng chính sách/quy trình /quy định về phòng chống thất thoát dữ liệu (DLP); triển khai công cụ DLP (triển khai cài đặt và đào tạo chuyển giao công nghệ); bảo hành, bảo trì liên quan đến Hàng hóa là toàn bộ phần mềm thuộc giải pháp phòng chống thất thoát dữ liệu tại PVcomBank năm 2025) theo quy định tại Phụ lục Hợp đồng số 02 của Hợp đồng. Để đảm bảo chất lượng của Dịch vụ, Bên B phải tuân thủ các yêu cầu về nhân sự thực hiện Dịch vụ và đảm bảo có tối thiểu các nhân sự được quy định tại Phụ lục Hợp đồng số 03 của Hợp đồng sẽ trực tiếp thực hiện Dịch vụ.

Điều 4. Loại hợp đồng, tổng giá trị hợp đồng, phương thức thanh toán và hình thức thanh toán

4.1. Loại hợp đồng: Trọn gói.

4.2. Tổng Giá trị Hợp đồng.

- a. Tổng giá trị của Hợp đồng đã bao gồm Thuế VAT là: VND (Bằng chữ: đồng./.):

Trong đó:

- Tổng giá trị Hợp đồng chưa bao gồm Thuế VAT: VND (Bằng chữ: đồng./.). Tổng giá trị Hợp đồng (chưa bao gồm thuế VAT) không thay đổi trong suốt thời gian hiệu lực của Hợp đồng.
 - Thuế VAT: VND (Bằng chữ: đồng./.).
 - Thuế VAT sẽ tính theo quy định của Pháp luật tại thời điểm xuất hóa đơn của Hợp đồng.
- b. Trong trường hợp các Điều khoản khác có đề cập đến Tổng giá trị Hợp đồng được thì sẽ được hiểu là Tổng giá trị Hợp đồng đã bao gồm thuế VAT.

4.3. Phương thức thanh toán:

a. Tiến độ thanh toán: Chia làm 03 đợt:

Đợt 1: Bên A tạm ứng cho Bên B Tổng giá trị Hợp đồng, tương đương với số tiền là: VND (*Bằng chữ: đồng*), trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng và Bên A nhận được đầy đủ các giấy tờ sau:

- Công văn đề nghị thanh toán tạm ứng.
- Thư bảo lãnh hoàn tiền tạm ứng.
- Thư bảo lãnh thực hiện Hợp đồng

Đợt 2: Bên A tạm ứng cho Bên B Tổng giá trị Hợp đồng, tương đương với số tiền là: VND (*Bằng chữ: đồng*), trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng và Bên A nhận được đầy đủ các giấy tờ sau:

- Công văn đề nghị thanh toán.
- Biên bản bàn giao Hàng hóa (Và các giấy tờ khác liên quan).
- Hóa đơn tài chính hợp lệ.

Đợt 3: Bên A thanh toán cho Bên B giá trị còn lại của Hợp đồng, tương đương với số tiền là: VND (*Bằng chữ: đồng*), trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Công văn đề nghị thanh toán.
- Biên bản nghiệm thu hàng hóa.
- Giấy chứng nhận/thư xác nhận bản quyền phần mềm có thời hạn tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hệ thống đưa vào sử dụng.
- Biên bản nghiệm thu dịch vụ.
- Biên bản nghiệm thu tổng thể.
- Biên bản thanh lý hợp đồng.
- Hóa đơn tài chính hợp lệ.

4.4. Hình thức thanh toán:

a. Mọi khoản thanh toán của Bên A cho Bên B sẽ được thanh toán bằng Đồng Việt Nam theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản chỉ định dưới đây của Bên B:

Chủ tài khoản : Công ty

Số tài khoản :

Ngân hàng : Ngân hàng

b. Trong trường hợp Bên B thay đổi tài khoản thanh toán, Bên B phải thông báo với Bên A bằng văn bản trước 03 (ba) ngày. Bên A không chịu trách nhiệm về mọi vấn đề phát sinh nếu Bên B thay đổi tài khoản thanh toán mà không thông báo bằng văn bản cho Bên A.

Điều 5. Cung cấp Hàng hóa, thực hiện Dịch vụ và bàn giao các tài liệu, chứng từ kèm theo

- 5.1. Việc cung cấp Hàng hóa và thực hiện Dịch vụ được thực hiện theo quy định tại Phụ lục Hợp đồng số 02 của Hợp đồng.
- 5.2. Việc thực hiện Dịch vụ hỗ trợ và bảo hành sau triển khai được thực hiện theo quy định tại Phụ lục Hợp đồng số 04 của Hợp đồng.
- 5.3. Tiến độ thực hiện các công việc nêu trên được thực hiện theo quy định tại Phụ lục Hợp đồng số 05 của Hợp đồng.
- 5.4. Thời gian thực hiện Hợp đồng:tháng (....tháng triển khai và tháng bảo hành).

Điều 6. Phạm vi sử dụng

Phạm vi sử dụng: PVcomBank được sử dụng Hàng hóa là toàn bộ phần mềm thuộc giải pháp phòng chống thất thoát dữ liệu tại PVcomBank năm 2025 mà PVcomBank mua theo Hợp đồng này tại tất cả các địa điểm do PVcomBank lựa chọn, không hạn chế việc các địa điểm này có nằm trong lãnh thổ Việt Nam hay không.

Điều 7. Bảo đảm tiền tạm ứng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng

7.1 Bảo đảm hoàn tiền tạm ứng:

a. Trước hoặc vào ngày Bên A tạm ứng cho Bên B, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A 01 (một) thư bảo lãnh hoàn tiền tạm ứng do Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành, với giá trị bảo lãnh bằng Tổng giá trị Hợp đồng, tương đương với số tiền là: VND (*Bằng chữ: đồng*) (sau đây gọi là "**Thư bảo lãnh hoàn tiền tạm ứng**") để đảm bảo cho nghĩa vụ hoàn trả tiền tạm ứng mà Bên A tạm ứng cho Bên B theo quy định tại Điều 4 Hợp đồng này. Thư bảo lãnh hoàn tiền tạm ứng là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một ngân hàng tại Việt Nam phát hành (trừ PVcomBank); Thư bảo lãnh hoàn tiền tạm ứng có hiệu lực kể từ ngày Bên B nhận được tiền tạm ứng cho đến khi hai Bên ký Biên bản nghiệm thu hàng hóa+15 (cộng thêm mười lăm) ngày.

b. Trong trường hợp Bên B không hoàn thành bất kỳ nghĩa vụ nào theo quy định tại Hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của Thư bảo lãnh hoàn tiền tạm ứng và/hoặc không bàn giao/bàn giao chậm giấy chứng nhận dịch vụ/thư xác nhận cho Bên A, Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng cho Bên A. Trong trường hợp 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hoàn trả tiền tạm ứng từ Bên A, Bên B không thực hiện hoàn trả tạm ứng, Ngân hàng phát hành Thư bảo lãnh tiền tạm ứng phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh hoàn tiền tạm ứng cho Bên A và Bên B có trách nhiệm bồi thường toàn bộ các thiệt hại thực tế phát sinh cho Bên A.

7.2 Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng:

a. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A 01 (một) Thư bảo lãnh thực hiện Hợp đồng do Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành (sau đây gọi là "**Thư bảo lãnh thực hiện Hợp đồng**"), với giá trị bảo lãnh bằng 5% Tổng giá trị Hợp đồng, tương đương với số tiền là VND (*Bằng chữ: đồng*). Kể từ thời điểm hai Bên ký Hợp đồng cho đến khi cung cấp bảo

lãnh thực hiện Hợp đồng, Bên B vẫn phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, dịch vụ theo yêu cầu của Hợp đồng.

b. Thư bảo lãnh thực hiện Hợp đồng là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một ngân hàng tại Việt Nam phát hành (trừ PVcomBank);

c. Thời hạn có hiệu lực của Thư bảo lãnh thực hiện Hợp đồng được tính từ ngày Hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày Các Bên hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc ngày chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành. Trường hợp cần gia hạn thời gian hiệu lực Hợp đồng, Bên B phải gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của Thư bảo lãnh thực hiện Hợp đồng trước khi gia hạn Hợp đồng.

d. Trong trường hợp Bên B vi phạm nghĩa vụ được bảo đảm, tổ chức tín dụng phát hành Thư bảo lãnh thực hiện Hợp đồng phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, đồng thời Bên B còn phải chịu phạt vi phạm và bồi thường toàn bộ các thiệt hại thực tế phát sinh cho PVcomBank.

Điều 8. Nội dung và phạm vi bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật

- 8.1. Nếu trong quá trình vận hành Hàng hóa là toàn bộ phần mềm thuộc giải pháp phòng chống thất thoát dữ liệu tại PVcomBank năm 2025 có sự cố, PVcomBank sẽ thông báo tới đầu mối của Bên B để giải quyết.
- 8.2. Chi tiết về cách thức thông báo, phạm vi bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật và các vấn đề liên quan thực hiện theo quy định tại Phụ lục Hợp đồng số 04 của Hợp đồng

Điều 9. Kiểm thử và nghiệm thu

Thực hiện theo quy định tại Phụ lục Hợp đồng số 01 của Hợp đồng.

Điều 10. Quyền và Nghĩa vụ của PVcomBank

- 10.1. Có quyền yêu cầu Bên B thực hiện đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng này và các Phụ lục hợp đồng kèm theo (nếu có).
- 10.2. Có nghĩa vụ thanh toán cho Bên B các khoản phải thanh toán và các khoản phạt vi phạm (nếu có) theo quy định tại Hợp đồng này.
- 10.3. Có nghĩa vụ thực hiện đúng các quy định về sử dụng và thời gian sử dụng Hàng hóa theo quy định của Hãng Sản Xuất.
- 10.4. Có nghĩa vụ cung cấp các thông tin cần thiết theo yêu cầu để Bên B có thể thực hiện cung cấp Hàng hóa và triển khai Dịch vụ cho PVcomBank.
- 10.5. Không được ủy quyền hoặc chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ của Hợp đồng này, Phụ lục Hợp đồng đính kèm (nếu có) cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên B.
- 10.6. Có quyền yêu cầu Bên B chịu phạt và bồi thường theo quy định Hợp đồng trong trường hợp Bên B vi phạm nghĩa vụ của mình tại Hợp đồng.
- 10.7. Có quyền yêu cầu Bên B thay thế, bổ sung, cung cấp lại nếu các Hàng hóa do Bên B bàn giao không đáp ứng quy định tại Hợp đồng này.

- 10.8. Có quyền tiếp tục sử dụng Phần mềm mà Bên B đã chuyển giao theo Hợp đồng này (mà PVcomBank đã thanh toán chi phí) trong tất cả các trường hợp chấm dứt Hợp đồng giữa Các Bên.
- 10.9. Có quyền yêu cầu Bên B bàn giao lại toàn bộ các trang thiết bị, tài khoản truy cập, ...(nếu có) đã cung cấp cho Bên B để thực hiện Hợp đồng sau khi Hợp đồng chấm dứt hiệu lực.
- 10.10. Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này, Phụ lục sửa đổi bổ sung Hợp đồng (nếu có) và pháp luật có liên quan.

Điều 11. Quyền và Nghĩa vụ của Bên B

- 11.1. Có quyền yêu cầu và được PVcomBank thanh toán cho các phần việc đã hoàn thành và được nghiệm thu theo quy định tại Hợp đồng này.
- 11.2. Có quyền yêu cầu PVcomBank chịu phạt và bồi thường theo quy định Hợp đồng trong trường hợp PVcomBank vi phạm nghĩa vụ của mình tại Hợp đồng.
- 11.3. Chịu trách nhiệm cung cấp Hàng hóa và Dịch vụ theo tiêu chuẩn trong phạm vi của Hợp đồng này.
- 11.4. Chịu trách nhiệm cung cấp nguồn lực triển khai dự án đầy đủ và chất lượng theo quy định tại Phụ lục Hợp đồng số 03 của Hợp đồng.
- 11.5. Chịu trách nhiệm về việc đảm bảo cung cấp nguồn lực, thông tin và các kết quả theo đúng kế hoạch triển khai dự án như cam kết trong Hợp đồng.
- 11.6. Chịu trách nhiệm làm đầy đủ các thủ tục cấp phép, visa và các trách nhiệm về thuế và quy định của pháp luật Việt Nam (nếu có) cho các nhân sự tham gia dự án của Bên B.
- 11.7. Chịu trách nhiệm bàn giao toàn bộ Hàng hóa theo đúng số lượng, chất lượng, chủng loại và đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Hợp đồng.
- 11.8. Chịu trách nhiệm cung cấp các tài liệu theo yêu cầu của PVcomBank cho mục đích chứng minh việc Bên B có quyền cung cấp Hàng hóa, Dịch vụ cho PVcomBank theo quy định tại Hợp đồng này. Nếu Bên B không cung cấp được các tài liệu này, Bên B phải chịu trách nhiệm và gánh chịu toàn bộ các rủi ro, khiếu nại, khiếu kiện liên quan đến việc Bên B cung cấp Hàng hóa, Dịch vụ cho PVcomBank theo Hợp đồng này.
- 11.9. Có trách nhiệm và bằng chi phí của mình, giải quyết mọi tranh chấp phát sinh từ việc cung cấp Hàng hóa, Dịch vụ cho PVcomBank theo quy định của Hợp đồng này và bồi thường cho PVcomBank những thiệt hại thực tế trực tiếp phát sinh từ những tranh chấp đó trong trường hợp tranh chấp phát sinh do Bên B vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng này, đảm bảo cho PVcomBank không bị phương hại bởi bất cứ khiếu nại hoặc kiện tụng nào dựa trên tố cáo rằng việc cung cấp Hàng hóa, Dịch vụ theo phạm vi Hợp đồng của Bên B vi phạm quyền sáng chế, bản quyền hoặc các quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ Bên thứ ba nào khác.

- 11.10. Cam kết sẽ phối hợp với PVcomBank để ngăn chặn và xử lý mọi sự xâm phạm làm gián đoạn quyền sử dụng Hàng hóa của PVcomBank từ bất cứ Bên thứ ba nào khác.
- 11.11. Cam kết bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế trực tiếp phát sinh cho PVcomBank trong trường hợp quyền sử dụng Hàng hóa là toàn bộ phần mềm thuộc giải pháp phòng chống thất thoát dữ liệu tại PVcomBank năm 2025 bị gián đoạn hoặc không còn tồn tại do việc tranh chấp từ việc Bên B cung cấp Hàng hóa, Dịch vụ cho PVcomBank theo Hợp đồng phát sinh do Bên B vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng này.
- 11.12. Nếu do kết quả của bất cứ sự xâm phạm hay khiếu nại, tranh chấp nào phát sinh do Bên B vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng này, hay bất cứ sự hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động của Bên B mà PVcomBank vĩnh viễn không được sử dụng một phần hoặc toàn bộ Hàng hóa là toàn bộ phần mềm thuộc Giải pháp phòng chống thất thoát dữ liệu tại PVcomBank năm 2025, Bên B cam kết bằng lựa chọn và chi phí của mình bảo đảm PVcomBank được quyền tiếp tục sử dụng Hàng hóa là toàn bộ phần mềm thuộc Giải pháp phòng chống thất thoát dữ liệu tại PVcomBank năm 2025.
- 11.13. Cam kết không cài đặt, xây dựng các chương trình virus, spyware, mã độc trong Phần mềm, các tài liệu, dữ liệu kèm theo nhằm có được các thông tin của PVcomBank khi PVcomBank sử dụng Hàng hóa là toàn bộ phần mềm thuộc Giải pháp phòng chống thất thoát dữ liệu tại PVcomBank năm 2025.
- 11.14. Không được ủy quyền hoặc chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ của Hợp đồng này, Phụ lục Hợp đồng đính kèm (nếu có) cho bất kỳ bên thứ ba nào khác thực hiện các công việc nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của PVcomBank.
- 11.15. Chỉ được phép công bố nội dung hợp tác và thực hiện các công việc liên quan đến Hợp đồng này khi được sự chấp thuận trước bằng văn bản của PVcomBank.
- 11.16. Chịu trách nhiệm hỗ trợ và hướng dẫn PVcomBank trong việc cài đặt và sử dụng Hàng hóa trong thời gian thực hiện Hợp đồng.
- 11.17. Cam kết đảm bảo quyền tiếp tục sử dụng Hàng hóa của PVcomBank đối với các Hàng hóa mà Bên B đã chuyển giao và PVcomBank đã thanh toán chi phí trong tất cả các trường hợp chấm dứt Hợp đồng.
- 11.18. Chịu trách nhiệm và đảm bảo về việc Bên B có đầy đủ quyền hạn, chức năng để cung cấp toàn bộ các cấu phần trong Hàng hóa là toàn bộ phần mềm thuộc giải pháp phòng chống thất thoát dữ liệu tại PVcomBank năm 2025 trong phạm vi Hợp đồng.
- 11.19. Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này, Phụ lục hợp đồng đính kèm và pháp luật có liên quan.

Điều 12. Bảo mật thông tin

- 12.1 Bên B hiểu rằng trong suốt thời hạn của Hợp đồng này và trong quá trình thực hiện các công việc theo Hợp đồng này, Bên B sẽ được tiếp cận các thông tin do

PVcomBank cung cấp và/hoặc các thông tin do Bên B thu thập được phát sinh từ và/hoặc liên quan đến việc thực hiện các công việc theo Hợp đồng này (“**Thông tin mật**”).

- 12.2 Bên B đồng ý rằng Thông tin mật sẽ được Bên B sử dụng chỉ để thực hiện các công việc theo Hợp đồng này và sẽ không được sử dụng dưới bất kỳ hình thức nào không có lợi cho PVcomBank.
- 12.3 Bên B cam kết sẽ không tiết lộ trực tiếp hoặc gián tiếp các Thông tin mật; ghi lại hoặc sao chép lại Thông tin mật hoặc bất kỳ phần nào của thông tin mật; hoặc trích dẫn Thông tin mật cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác (ngoại trừ các nhân viên của Bên B, các đơn vị tư vấn, kiểm toán, luật sư của Bên B) khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của PVcomBank. Bên B đảm bảo rằng tất cả các đối tượng được tiếp cận Thông tin mật chỉ được phép sử dụng Thông tin mật cho mục đích thực hiện các công việc theo Hợp đồng này và trong mọi trường hợp sẽ tuân thủ nghĩa vụ bảo mật theo Hợp đồng này.
- 12.4 Bên B có thể tiết lộ các Thông tin mật theo yêu cầu của pháp luật, quy định của chính phủ, quyết định của tòa án hoặc cơ quan trọng tài có thẩm quyền. Trong trường hợp phải tiết lộ Thông tin mật, Bên B cam kết sẽ thông báo ngay lập tức cho PVcomBank về danh sách Thông tin mật được yêu cầu tiết lộ trong vòng 03 ngày kể từ thời điểm Bên B nhận được yêu cầu cung cấp thông tin được PVcomBank đồng ý bằng văn bản trước khi tiết lộ.
- 12.5 Tùy theo yêu cầu của PVcomBank bằng văn bản, Bên B sẽ phải trả lại hay hủy bỏ ngay lập tức tất cả các văn bản và/hoặc tài liệu là Thông tin mật, bao gồm cả bản gốc hay bản sao bằng văn bản hay trong hệ thống máy tính hay dưới bất kỳ hình thức điện tử nào khác và cam kết không có bất kỳ bản gốc hay bản sao nào của các Thông tin mật đó được lưu lại. Việc Bên B vi phạm quy định này được coi là hành vi vi phạm hợp đồng và Bên B phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại cho PVcomBank theo quy định của hợp đồng.
- 12.6 Bên B cam kết sẽ vẫn tuân thủ các nghĩa vụ và cam kết liên quan đến bảo mật theo quy định tại Điều 12 này sau khi Hợp đồng hết hiệu lực trừ trường hợp được PVcomBank cho phép khác đi bằng văn bản.
- 12.7 Thuật ngữ “**Thông tin mật**” không bao gồm những thông tin:
 - a. Là hoặc trở thành thông tin được công bố rộng rãi trong công chúng hoặc được tổ chức/cá nhân nào khác ngoài PVcomBank công bố cho Bên B mà không vi phạm Hợp đồng này.
 - b. Đã từng là thông tin thuộc sở hữu của Bên B trước khi được PVcomBank cung cấp;
 - c. Trở thành thông tin có sẵn đối với Bên B dựa trên cơ sở không bảo mật từ một nguồn không phải là PVcomBank.

Điều 13. Chấm dứt Hợp đồng

- 13.1 PVcomBank có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản trước 30 ngày cho Bên B trong trường hợp Bên B vi phạm nghiêm trọng bất kỳ nghĩa vụ nào theo quy định tại Hợp đồng này. Vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng của Bên B được hiểu là bất kỳ vi phạm nào của Bên B theo quy định tại Hợp đồng và Bên B không khắc phục được vi phạm trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo vi phạm từ PVcomBank. Trong các trường hợp chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều này, PVcomBank sẽ chỉ thanh toán cho Bên B phần công việc tương ứng với việc bàn giao Hàng hóa, phần Dịch vụ đã được PVcomBank nhận bàn giao và nghiệm thu.
- 13.2 Trong trường hợp PVcomBank chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ Hợp đồng theo Khoản 13.1 Điều 13, PVcomBank có thể ký hợp đồng với Bên B khác để thực hiện phần Hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho PVcomBank những thiệt hại trực tiếp, thực tế phát sinh liên quan đến việc PVcomBank thuê Bên B khác thực hiện phần Hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần Hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần Hợp đồng do mình thực hiện.
- 13.3 PVcomBank có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và yêu cầu Bên B chịu phạt và bồi thường theo quy định tại Hợp đồng trong trường hợp PVcomBank có đầy đủ bằng chứng chứng minh được Bên B chi tiền, quà tặng dưới bất cứ hình thức nào cho cán bộ, nhân viên của PVcomBank.
- 13.4 Hợp đồng này có thể được chấm dứt vào bất kỳ thời điểm nào theo thỏa thuận bằng văn bản của cả hai bên.
- 13.5 Trong mọi trường hợp chấm dứt Hợp đồng, PVcomBank sẽ chỉ thanh toán cho Bên B phần phí hàng hóa và dịch vụ đã được thực hiện và được PVcomBank nghiệm thu. Nếu số tiền PVcomBank đã tạm ứng, thanh toán lớn hơn số tiền PVcomBank phải thanh toán cho Bên B khi chấm dứt Hợp đồng thì Bên B sẽ phải hoàn trả cho PVcomBank toàn bộ số tiền chênh lệch trong vòng tối đa 30 ngày kể từ ngày Hợp đồng chấm dứt hiệu lực. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà Bên B vẫn chưa thanh toán, Bên B sẽ phải chịu phạt chậm thanh toán với mức là 0,1% tổng số tiền chậm thanh toán cho mỗi ngày chậm thanh toán.

Điều 14. Trường hợp bất khả kháng

- 14.1 Các Bên sẽ không bị coi là vi phạm Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng đính kèm và không phải chịu trách nhiệm về việc không thực hiện, hay chậm thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng đính kèm do các nguyên nhân bất khả kháng mà các Bên không thể lường trước được hoặc có thể lường trước được nhưng vượt quá tầm kiểm soát của bên đó, bao gồm, nhưng không giới hạn bởi, các sự kiện sau: Thay đổi chính sách của nhà nước khiến một trong các bên không được phép tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ tại Hợp đồng; chiến tranh, bạo loạn, phiến loạn,

khởi nghĩa, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh (dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A do Thủ tướng Chính phủ công bố), cách ly do kiểm dịch/dịch bệnh, cấm vận, quy tắc, quy định, lệnh hay chỉ thị của cơ quan chính quyền hay cơ quan chức năng hoặc lệnh của tòa án có thẩm quyền.

- 14.2 Trong trường hợp xảy ra các nguyên nhân bất khả kháng nêu trên thì mỗi Bên có trách nhiệm gửi văn bản thông báo trong vòng 03 ngày kể từ thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng. Thông báo này phải nêu rõ bản chất, dự đoán thời gian ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng này và cách khắc phục (nếu có); đồng thời Bên B bị ảnh hưởng phải nỗ lực cao nhất phòng tránh, hạn chế rủi ro của trường hợp bất khả kháng như vậy. Bên nào không nghiêm túc tuân thủ những yêu cầu nói trên sẽ bị coi như vi phạm Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng đính kèm.
- 14.3 Trường hợp Bên B là bên bị ảnh hưởng, với điều kiện thực hiện các nghĩa vụ như quy định tại Khoản 2 trên đây thì Bên B sẽ được miễn trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng trong suốt thời gian diễn ra sự kiện đó.
- 14.4 Khi sự kiện Bất khả kháng không còn tồn tại, các bên sẽ tiếp tục thực hiện Hợp đồng như trong điều kiện bình thường. Thời hạn thực hiện nghĩa vụ của Bên B bị ảnh hưởng sẽ được công thêm một thời gian đúng bằng khoảng thời gian diễn ra sự kiện Bất khả kháng.
- 14.5 Nếu thời gian bất khả kháng kéo dài quá 120 ngày thì mỗi bên có thể gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng tới bên còn lại. Trong trường hợp này, việc chấm dứt Hợp đồng sẽ có hiệu lực sau 90 ngày kể từ ngày Bên còn lại nhận được thông báo, với điều kiện đáp ứng quy định tại Khoản **Error! Reference source not found.** của Hợp đồng. Các bên có trách nhiệm tính toán giá trị Hợp đồng đã thực hiện tính đến thời điểm chấm dứt và thanh toán các khoản còn thiếu và/hoặc phát sinh tính đến thời điểm chấm dứt này.

Điều 15. Bồi thường thiệt hại và phạt do vi phạm hợp đồng

- 15.1 Trường hợp PVcomBank thanh toán không đúng hạn như quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này, PVcomBank sẽ phải chịu mức phạt là 0,1% phần còn lại chưa thanh toán của giá trị Hợp đồng cho mỗi ngày trễ hạn nhưng tối đa không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm. Trường hợp PVcomBank chậm thanh toán quá 15 ngày, Bên B có quyền tạm dừng cung cấp hàng hóa và dịch vụ cho PVcomBank đến khi PVcomBank hoàn tất thanh toán.
- 15.2 Trong trường hợp Bên B giao hàng không đúng hạn như quy định tại của Hợp đồng này mà hoàn toàn do lỗi của Bên B, Bên B sẽ phải chịu mức phạt là 0,5% phần giá trị hàng hóa chưa giao theo Hợp đồng cho mỗi ngày trễ hạn nhưng tối đa không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm. Trường hợp Bên B chậm giao hàng quá 15 ngày, PVcomBank có quyền chấm dứt Hợp đồng và yêu cầu Bên B nộp phạt

vi phạm, bồi thường mọi thiệt hại phát sinh thực tế và trực tiếp (nếu có) cho PVcomBank.

- 15.3 Trong trường hợp một Bên vi phạm bất kỳ quy định nào của Hợp đồng này (trừ vi phạm quy định tại Khoản 15.1 và Khoản 15.2 Điều này), Bên vi phạm sẽ phải chịu mức phạt là 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm.
- 15.4 Bên nào vi phạm Hợp đồng dẫn đến thiệt hại cho Bên còn lại thì ngoài việc bị phạt vi phạm còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại trực tiếp, thực tế cho Bên bị vi phạm.
- 15.5 PVcomBank có quyền khấu trừ tất cả những những khoản tiền phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại của Bên B vào số tiền phải thanh toán cho Bên B. Nếu khoản tiền phải thanh toán của PVcomBank ít hơn khoản tiền Bên B phải thanh toán cho PVcomBank thì số tiền còn thiếu sẽ được coi là Bên B nợ PVcomBank và Bên B phải hoàn trả lại cho PVcomBank.

Điều 16. Tranh chấp bản quyền với bên thứ ba

- 16.1 Nếu bất kỳ tổ chức, cá nhân nào có khiếu nại trực tiếp hoặc gián tiếp do bản quyền của họ bị xâm phạm bởi các Hàng hóa, Dịch vụ do Bên B cung cấp cho PVcomBank theo Hợp đồng, Bên B sẽ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và chịu các chi phí cho việc:
 - a. Lấy được giấy phép từ bên thứ ba (trừ trường hợp khiếu nại phát sinh không do vi phạm nghĩa vụ hợp đồng của Bên B).
 - b. Thay thế các phần này bằng các phần khác không vi phạm bản quyền (trừ trường hợp khiếu nại phát sinh không do vi phạm nghĩa vụ hợp đồng của Bên B).
 - c. Hoàn lại tất cả các chi phí có liên quan cho PVcomBank (trừ trường hợp khiếu nại phát sinh không do vi phạm nghĩa vụ hợp đồng của Bên B).
 - d. Loại trừ trách nhiệm của PVcomBank đối với bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện, trách nhiệm bồi thường nào liên quan tới vấn đề bản quyền.
 - e. Cam kết chịu trách nhiệm và thực hiện các biện pháp cần thiết để PVcomBank không bị liên đới trước bất kỳ trách nhiệm, thiệt hại và chi phí nào phát sinh từ vi phạm hoặc khiếu nại nói trên.
- 16.2 Trong trường hợp có hành vi khiếu nại theo quy định tại Khoản 16.1 Điều 16, Bên B có trách nhiệm xử lý, giải quyết các khiếu nại này trong thời gian nhanh nhất, đảm bảo không gây thiệt hại về uy tín cũng như vật chất cho PVcomBank.

Điều 17. Thông báo và liên lạc

- 17.1 Các Bên thống nhất và xác nhận thông tin về cán bộ đầu mối để giải quyết các vấn đề, giao dịch giữa các Bên liên quan đến Hợp đồng này như sau:
 - a. Đầu mối nhận thông tin của PVcomBank
 - Ông:
 - Chức vụ:

- Số điện thoại liên hệ: ..

- Email: ...

b. Đầu mỗi nhận thông tin của Bên B

- Ông/Bà:

- Chức vụ:

- Số điện thoại liên hệ:

- Email:

17.2 Trường hợp Bên nào có sự thay đổi người đầu mối hoặc thông tin của người đầu mối thì phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản trước khi thực hiện thay đổi ít nhất 03 ngày; nếu không thông báo hoặc thông báo không đúng quy định nêu trên thì Bên kia có quyền gửi văn bản theo thông tin cũ và mặc nhiên coi như Bên còn lại đã nhận được văn bản. Mọi thiệt hại phát sinh trong trường hợp này (nếu có) sẽ do Bên thay đổi mà không thực hiện thông báo hoặc thông báo không đúng quy định chịu.

17.3 Thông tin trao đổi của các Bên được coi là đã nhận được bởi Bên còn lại khi:

a. Trường hợp gửi thông tin qua email: Khi có thông báo/xác nhận gửi mail thành công trên hệ thống của bên gửi.

b. Trường hợp gửi thông tin bằng văn bản qua đường bưu điện/gửi trực tiếp: Khi Bên còn lại ký xác nhận đã nhận được văn bản.

c. Trường hợp gửi thông tin qua fax: Khi có thông báo/xác nhận chuyển fax thành công trên hệ thống của bên gửi.

Điều 18. Điều khoản thi hành

18.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng (thư bảo đảm thực hiện hợp đồng) và chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a. Các bên hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng này;

b. Một trong các Bên chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Hợp đồng này;

c. Các Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

18.2 Các Bên tiến hành ký Biên bản thanh lý hợp đồng sau khi các bên thực hiện đúng và đủ nghĩa vụ nêu tại Hợp đồng này. Nghĩa vụ bảo mật thông tin của Bên B theo quy định tại Điều 12 của Hợp đồng vẫn có hiệu lực sau khi Hợp đồng đã được thanh lý.

18.3 Hợp đồng này được giải thích và điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ và/hoặc liên quan đến Hợp đồng này trước tiên phải được các bên tự thương lượng giải quyết. Nếu sau 30 ngày mà hai Bên vẫn không thể giải

quyết tranh chấp thì các bên đồng ý rằng tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

- 18.4 Mọi thay đổi đối với các nội dung của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được các Bên thỏa thuận bằng văn bản. Các văn bản này là bộ phận không tách rời của Hợp đồng. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo các cam kết, thỏa thuận khác giữa các Bên (nếu có) và theo quy định của pháp luật có liên quan.
- 18.5 Nếu bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này không thể thực hiện được, các điều khoản còn lại sẽ tiếp tục có hiệu lực trừ khi nó được thừa nhận trong Hợp đồng rằng điều khoản này không được thực hiện khi không có các điều khoản không có khả năng thi hành đó.
- 18.6 Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, PVcomBank giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản làm căn cứ và thực hiện.

ĐẠI DIỆN PVCOMBANK

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 01

CÁC ĐIỀU KHOẢN THƯƠNG MẠI

(Kèm theo Hợp đồng số/...../HDKT/PVB – ký ngày/...../.....)

Điều 1. Thông tin về Hàng hóa được cung cấp

1.1 Theo Phụ lục này, PVcomBank yêu cầu và Bên B đồng ý cung cấp bản quyền toàn bộ phần mềm thuộc giải pháp phòng chống thất thoát dữ liệu tại PVcomBank năm 2025 (sau đây gọi tắt là “Hàng hóa”) và dịch vụ triển khai phân loại dữ liệu, xây dựng chính sách/quy trình /quy định về phòng chống thất thoát dữ liệu (DLP); triển khai công cụ DLP (triển khai cài đặt và đào tạo chuyển giao công nghệ); bảo hành, bảo trì (sau đây gọi tắt là “Dịch vụ”). Hàng hóa và Dịch vụ do Bên B cung cấp có các thông tin chi tiết theo nội dung yêu cầu của E-HSMT và E-HSDT và được tổng hợp lại như sau:

ST T	Mã hàng hóa	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Thời hạn hiệu lực	Chi phí chưa gồm VAT (VND)	VAT (VND)	Chi phí đã gồm VAT (VND)
A Bản quyền phần mềm								
1		Giải pháp phòng chống thất thoát dữ liệu cho Network	User	1.000				
2		Giải pháp phòng chống thất thoát dữ liệu cho Endpoint	User	1.000				
3		Mã hoá máy trạm	Thiết bị	100				
4		Giải pháp Gán nhãn	User	1.000				
5		Giải pháp Discover	Thiết bị/máy chủ/node	250				
6		Giải pháp phòng chống thất thoát dữ liệu cho Cloud						
6.1		Giải pháp phòng chống thất thoát dữ liệu cho Office 365	User	1.000				
6.2		Giải pháp phòng chống thất thoát dữ liệu cho AWS S3 (dung lượng 5TB, 40 nguồn dịch vụ)	Gói	01				
B Dịch vụ triển khai của Bên B								
1		Dịch vụ triển khai phân loại dữ liệu, xây dựng chính sách/quy trình /quy định về phòng chống thất thoát dữ liệu (DLP); triển khai công cụ DLP (triển khai cài đặt và đào tạo chuyển giao công nghệ); bảo hành, bảo trì	Gói	1				

ST T	Mã hàng hóa	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Thời hạn hiệu lực	Chi phí chưa gồm VAT (VND)	VAT (VND)	Chi phí đã gồm VAT (VND)
Tổng giá trị Hợp đồng								

- 1.2 Hiện tại, Hàng hóa và Dịch vụ của Hợp đồng này thuộc đối tượng “Phần Mềm và Dịch Vụ Phần Mềm”, là đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT). Nếu Nhà nước thay đổi thuế suất trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực dẫn đến giá trị Hợp đồng sẽ bị áp dụng một khoản thuế GTGT tương ứng thì PVcomBank sẽ trả thêm cho Bên B phần thuế tăng thêm này.
- 1.3 Trường hợp PVcomBank có nhu cầu điều chỉnh tăng số lượng Hàng hóa, PVcomBank và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết thỏa thuận điều chỉnh, bổ sung hợp đồng.

Điều 2. Bàn giao, Nghiệm thu Hàng hóa, Dịch vụ và Thanh lý Hợp đồng

2.1. Thời gian bàn giao Hàng hóa:

- Bên B sẽ thực hiện bàn giao Hàng hóa cho PVcomBank nêu tại Điều 1 của Phụ lục Hợp đồng số 01 này trong thời hạn tối đa **... ngày**, không bao gồm những khoảng thời gian trễ được hai bên thống nhất xác định là do các lý do bất khả kháng hoặc cần thiết hay xuất phát từ nhu cầu và hoàn cảnh thực tế có thể chấp nhận được, kể từ ngày Đại diện có thẩm quyền của các Bên tham gia ký kết Hợp đồng.

2.2. Phương thức bàn giao Hàng hóa:

- Bên B sẽ thông báo bằng thư điện tử cho PVcomBank về thời gian bàn giao cho đầu mỗi nhận bàn giao Hàng hóa của PVcomBank như quy định dưới đây trước **... ngày** làm việc so với thời điểm dự định bàn giao.

Đầu mỗi nhận bàn giao Hàng hóa:

- Họ và tên...
- Chức vụ: ...
- Điện thoại: ...
- Email:
- Mọi rủi ro đối với Hàng hóa trong quá trình bàn giao sẽ do Bên B chịu. PVcomBank chỉ chịu rủi ro đối với Hàng hóa sau khi Hàng hóa đã được bàn giao cho PVcomBank đúng thời hạn, địa chỉ email và việc bàn giao đã được người có thẩm quyền của PVcomBank xác nhận là đã nhận Hàng hóa.
- Trường hợp phải tiến hành bàn giao Hàng hóa ngoài phương thức đã thỏa thuận nêu trên, các Bên sẽ tiến hành thỏa thuận cụ thể về hình thức bàn giao và các chi phí có liên quan (nếu có).

2.3. Thời gian thực hiện Dịch vụ:

- Bên B sẽ thực hiện dịch vụ nêu tại Khoản 2.2 Điều 2 của Phụ lục Hợp đồng số 02

cho PVcomBank trong thời hạn ngày, không bao gồm những khoảng thời gian trễ được hai bên thống nhất xác định là do các lý do bất khả kháng hoặc cần thiết hay xuất phát từ nhu cầu và hoàn cảnh thực tế có thể chấp nhận được và không bao gồm thời gian theo dõi, đánh giá, chấp thuận nghiệm thu Dịch vụ và ký Biên bản nghiệm thu dịch vụ, Biên bản nghiệm thu tổng thể), kể từ ngày Đại diện có thẩm quyền của các Bên tham gia ký kết Hợp đồng.

- Bên B sẽ thực hiện dịch vụ hỗ trợ sau triển khai nêu tại Khoản 2.2 Điều 2 của Phụ lục Hợp đồng số 02 cho PVcomBank từ thời điểm nghiệm thu tổng thể tới khi kết thúc thời gian hỗ trợ chính hãng đối với bản quyền phần mềm.

2.4.Địa điểm thực hiện Dịch vụ:

Bên B sẽ thực hiện Dịch vụ cho PVcomBank tại Hội sở và các địa điểm do PVcomBank chỉ định trên toàn quốc PVcomBank.

2.5.Sau 10 ngày làm việc kể từ thời điểm Bên B hoàn thành bàn giao Hàng hóa cho PVcomBank theo quy định tại Điều 1 của Phụ lục này, các Bên tiến hành lập Biên bản bàn giao Hàng hóa và Biên bản nghiệm thu Hàng hóa. PVcomBank chỉ nhận bàn giao và nghiệm thu Hàng hóa khi Bên B đã hoàn thành bàn giao tất cả Hàng hóa đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn và điều kiện mà các Bên đã thỏa thuận. Trường hợp Hàng hóa bị thiếu về số lượng và/hoặc sai về chất lượng, Bên B phải tiến hành bổ sung, cung cấp lại Hàng hóa cho PVcomBank theo thời hạn mà PVcomBank yêu cầu. Trường hợp Bên B từ chối thực hiện yêu cầu của PVcomBank, PVcomBank có quyền chấm dứt Hợp đồng, lấy lại tiền đã tạm ứng/thanh toán (nếu có) và không phải chịu bất cứ trách nhiệm nào, đồng thời PVcomBank có quyền yêu cầu Bên B chịu phạt vi phạm Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng số 01 và bồi thường thiệt hại (nếu có) cho PVcomBank. Trong trường hợp Bên B đã hoàn thành mọi nghĩa vụ liên quan đến việc bàn giao Hàng hóa được quy định trong hợp đồng, PVcomBank có trách nhiệm hoàn tất việc ký Biên bản bàn giao Hàng hóa và Biên bản nghiệm thu Hàng hóa trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Biên bản do Bên B chuyển sang. PVcomBank và Bên B được xem là đã thực hiện xong việc giao nhận Hàng hóa khi có được đầy đủ chữ ký nhận của người đại diện của hai Bên trong Biên bản bàn giao Hàng hóa và Biên bản nghiệm thu Hàng hóa. Trường hợp PVcomBank không hoàn thành ký Biên bản bàn giao Hàng hóa và Biên bản nghiệm thu Hàng hóa trong thời hạn nêu trên mà không có thông báo chính thức cho Bên B về các vấn đề liên quan đến Hàng hóa được bàn giao và Biên bản thì Biên bản này sẽ được coi như đã được chấp nhận bởi PVcomBank, Bên B được xem là đã thực hiện xong việc giao nhận Hàng hóa và PVcomBank có trách nhiệm hoàn thành mọi nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng này.

2.6.Sau 10 ngày làm việc kể từ thời điểm Bên B hoàn thành cung cấp dịch vụ cho PVcomBank theo quy định tại Điều 1 của Phụ lục này, các Bên tiến hành lập Biên bản nghiệm thu dịch vụ và Biên bản nghiệm thu tổng thể. PVcomBank chỉ nghiệm thu dịch vụ khi Bên B đã hoàn thành tất cả các hạng mục cung cấp dịch vụ đáp ứng yêu cầu,

tiêu chuẩn và điều kiện mà các Bên đã thỏa thuận. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ không đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn và điều kiện mà các Bên đã thỏa thuận, Bên B phải tiến hành cung cấp dịch vụ bổ sung hoặc cung cấp dịch vụ lại cho PVcomBank theo thời hạn mà PVcomBank yêu cầu. Trường hợp Bên B từ chối thực hiện yêu cầu của PVcomBank, PVcomBank có quyền chấm dứt Hợp đồng, lấy lại tiền đã tạm ứng/thanh toán (nếu có) và không phải chịu bất cứ trách nhiệm nào, đồng thời PVcomBank có quyền yêu cầu Bên B chịu phạt vi phạm Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng số 01 và bồi thường thiệt hại (nếu có) cho PVcomBank. Trong trường hợp Bên B đã hoàn thành mọi nghĩa vụ liên quan đến việc thực hiện cung cấp dịch vụ được quy định trong hợp đồng, PVcomBank có trách nhiệm hoàn tất việc ký Biên bản nghiệm thu dịch vụ, Biên bản nghiệm thu tổng thể trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Biên bản do Bên B chuyển sang. PVcomBank và Bên B được xem là đã thực hiện xong việc nghiệm thu dịch vụ khi có được đầy đủ chữ ký nhận của người đại diện của hai Bên trong Biên bản nghiệm thu dịch vụ và Biên bản nghiệm thu tổng thể. Trường hợp PVcomBank không hoàn thành ký Biên bản nghiệm thu dịch vụ và Biên bản nghiệm thu tổng thể trong thời hạn nêu trên mà không có thông báo chính thức cho Bên B về các vấn đề liên quan đến dịch vụ triển khai, đào tạo được cung cấp và Biên bản thì Biên bản này sẽ được coi như đã được chấp nhận bởi PVcomBank, Bên B được xem là đã triển khai, đào tạo xong và PVcomBank có trách nhiệm hoàn thành mọi nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng này.

2.7. Bên B đồng ý rằng, PVcomBank có quyền không thanh toán đối với những phần công việc không được Đại diện có thẩm quyền của PVcomBank ký nghiệm thu hoặc được PVcomBank chấp nhận theo quy định tại Khoản 2.5 và Khoản 2.6 Điều này.

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 02

PHẠM VI CÔNG VIỆC

(Kèm theo Hợp đồng số/.../HDKT/PVB – ký ngày/...../.....)

Điều 1. Yêu cầu đối với Hàng hóa

- 1.1. Hàng hóa được Bên B cung cấp cho PVcomBank theo Hợp đồng này phải có các chức năng và đáp ứng các yêu cầu quy định tại E-HSMT và E-HSDT, và sẽ được tổng hợp chi tiết theo bảng sau:

STT	Hạng mục	Yêu cầu	Loại Yêu cầu	Mô tả chi tiết và mức độ đáp ứng (Đạt/ Không đạt)

Ghi chú:

Các tính năng của Hàng hóa sẽ bao gồm các tính năng theo gói hàng hóa mà hãng cung cấp theo từng giai đoạn.

- 1.2. Trường hợp một phần/toàn bộ các Hàng hóa do Bên B cung cấp không đáp ứng được các yêu cầu tại Khoản 1.1 Điều 1 Phụ lục này, PVcomBank có quyền từ chối nhận bàn giao Phần mềm và yêu cầu Bên B phải thay thế bằng các Hàng hóa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Hợp đồng. Mọi chi phí đối với việc thay thế Hàng hóa trong trường hợp này do Bên B chịu trách nhiệm chi trả.

Điều 2. Yêu cầu đối với Dịch vụ

- 1.3. Dịch vụ được Bên B cung cấp cho PVcomBank theo Hợp đồng này phải có đáp ứng các yêu cầu quy định tại E-HSMT và E-HSDT sau:

STT	Hạng mục	Yêu cầu tối thiểu
1		
2		

- 1.4. Trường hợp Bên B cần truy cập vào các hệ thống của PVcomBank để thực hiện Dịch vụ, Bên B phải tuân thủ các điều khoản sau:
- a. Bên B cam kết không cài đặt, xây dựng các chương trình virus, spyware, mã độc trong phần mềm, các tài liệu, dữ liệu gửi tới PVcomBank để nhằm có được các thông tin của PVcomBank.
 - b. Bên B đồng ý rằng:
 - Bên B sẽ chỉ truy cập vào các hệ thống trong thời gian mà PVcomBank cho phép;
 - Bên B sẽ chỉ truy cập để lấy các thông tin cần thiết/thực hiện các công việc cần thiết theo yêu cầu của PVcomBank.
 - c. Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng, cán bộ nhân viên của Bên B nghỉ việc, nghỉ tạm thời dài ngày (nghỉ thai sản, nghỉ không lương...) thì ngay lập tức Quản lý dự án của Bên B phải gửi thông báo bằng văn bản cho Quản lý dự án của PVcomBank để yêu cầu khóa/chuyển trạng thái không hoạt động đối với các tài khoản đã được PVcomBank cấp cho Bên B. Không phụ thuộc vào quy định nêu trên, nếu xét thấy cần thiết, PVcomBank có thể yêu cầu khóa/chuyển trạng thái không hoạt động đối với các tài khoản đã được PVcomBank cấp cho Bên B vào bất kỳ thời điểm nào mà không cần thông báo trước cho Bên B.

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 03

YÊU CẦU VỀ NHÂN SỰ

(Kèm theo Hợp đồng số/...../HDKT/PVB – ký ngày/...../.....)

1. Danh sách nhân sự thực hiện Hợp đồng

Để thực hiện các công việc theo Hợp đồng, Bên B sẽ cử một đội ngũ nhân sự trực tiếp thực hiện công việc tại PVcomBank bao gồm:

Stt	Họ và tên	Email	Điện thoại liên hệ	Công việc sẽ đảm nhận
1				
2				
3				
4				
...				

2. Yêu cầu đối với nhân sự

- Bên B cam kết rằng tất cả các nhân viên tham gia vào việc thực hiện Hợp đồng này được đào tạo và có kinh nghiệm cho các nhiệm vụ được giao và phải đáp ứng các yêu cầu tại Hợp đồng.
- Bên B cam kết rằng đã thực hiện toàn bộ thủ tục giấy phép cho người lao động và/hoặc các thành viên tham gia dự án theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam (nếu cần thiết).
- Bên B có trách nhiệm lập và quản lý kế hoạch triển khai nhân sự của Bên B trong suốt thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, đảm bảo tính liên tục, duy trì chất lượng không làm ảnh hưởng tới tiến độ triển khai công việc đã được các Bên thống nhất tại Hợp đồng này.
- PVcomBank có quyền yêu cầu Bên B thay thế bất kỳ nhân viên nào nếu PVcomBank có lý do hợp lý thấy rằng nhân viên đó không phù hợp với công việc được giao. Một thông báo từ Quản lý Dự án của PVcomBank gửi tới Quản lý Dự án của Bên B nêu rõ lý do hợp lý cho việc thay đổi nhân sự được coi là yêu cầu thay thế nhân sự chính thức và phải được Bên B thực hiện trong thời hạn tối đa là 07 ngày.
- Trong trường hợp do lý do nghỉ ốm, nghỉ việc, nghỉ do tai nạn khiến Bên B buộc phải thay thế nhân sự, Bên B phải thông báo cho PVcomBank bằng văn bản/thư

điện tử trong vòng tối đa 07 ngày kể từ ngày Bên B phát hiện sự việc. Với các trường hợp khác dẫn đến Bên B buộc phải thay đổi nhân sự, Bên B phải báo trước cho PVcomBank tối thiểu 03 ngày trước ngày thay đổi nhân sự. Trong mọi trường hợp, việc thay đổi nhân sự vẫn phải được PVcomBank chấp thuận bằng văn bản/thư điện tử.

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 04

QUY ĐỊNH VỀ BẢO HÀNH, BẢO TRÌ VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ

(Kèm theo Hợp đồng số/...../HDKT/PVB – ký ngày/...../.....)

Sau khi Hàng hóa đã được các bên nghiệm thu và đưa vào vận hành, PVcomBank sẽ được bảo hành với các điều kiện như sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

- 1.1. Bên B có trách nhiệm sửa chữa, thay thế, đưa ra giải pháp với mọi vấn đề phát sinh từ và/hoặc liên quan đến các thiết bị Hàng hóa, Dịch vụ đã được Bên B cung cấp cho PVcomBank theo Hợp đồng này ngoại trừ trường hợp sau:
 - Những sai hỏng của Hàng hóa do PVcomBank sử dụng và vận hành không theo kiến trúc đã được các bên thống nhất.
- 1.2. Đối với các sự cố nghiêm trọng và/hoặc các sự cố bình thường nhưng không thể thực hiện hỗ trợ từ xa, Bên B sẽ cử chuyên gia của Bên B có mặt tại địa chỉ theo thông báo của PVcomBank để kiểm tra, tiến hành bảo hành.

Điều 2. Thời hạn bảo hành, bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật

- 2.1. Đối với Phần mềm: thời hạn bảo hành, bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật là năm (đến hết ngày/...../.....);
- 2.2. Đối với Dịch vụ: thời hạn bảo hành, bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật là năm (kể từ thời điểm nghiệm thu tổng thể tới khi kết thúc thời gian hỗ trợ chính hãng).

Điều 3. Quy trình bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật

- 3.1. Khi có yêu cầu bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật, PVcomBank thông báo cho Bên B bằng một trong các hình thức điện thoại, thư điện tử hoặc cổng dịch vụ theo địa chỉ:
Địa chỉ:
E-mail:
Hotline:
Cổng dịch vụ hỗ trợ: <https://.....>
- 3.2. Địa chỉ liên hệ bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật sẽ cố định trong suốt thời gian cam kết ở phía trên, trường hợp có bất cứ sự thay đổi thông tin nào, trong vòng 10 ngày làm việc trước ngày xảy ra sự kiện thay đổi, Bên B phải gửi thông báo bằng văn bản cho PVcomBank về nội dung thay đổi này. Nếu Bên B không thông báo dẫn đến việc chậm trễ trong việc thực hiện nghĩa vụ bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật cho PVcomBank thì PVcomBank có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với những tổn thất thực tế mà PVcomBank gánh chịu trong khoảng thời gian Bên B không thực hiện bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật kịp thời, đúng tiến độ.

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 05

TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI CÔNG VIỆC

(Kèm theo Hợp đồng số/.../HDKT/PVB – ký ngày/...../.....)

Các Bên thống nhất tiến độ thực hiện các công việc của Bên B theo Hợp đồng này như sau:

TT	Hạng mục công việc	Thời gian dự kiến	Ghi chú
1			
2			
3			
4			
5			
6			

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 06

THỎA THUẬN BẢO MẬT THÔNG TIN

(Kèm theo Hợp đồng số/...../HDKT/PVB – ký ngày/...../.....)

XÉT RẰNG:

- Mỗi Bên tham gia Thỏa thuận bảo mật thông tin này đồng ý rằng, nhằm mục đích tiến hành các công việc [...] liên quan đến việc triển khai hoạt động [...] giữa PVcomBank và Đối tác (“**Mục Đích Hợp Tác**”), Các Bên có thể đòi hỏi việc tiết lộ Thông tin bảo mật (như được định nghĩa dưới đây) cho nhau; và
- Trên cơ sở xem xét việc mỗi Bên tiết lộ Thông tin bảo mật cho Bên kia và vì các điều khoản và thỏa thuận giữa Các Bên trong Thỏa thuận này;
- Nhằm ngăn chặn việc tiết lộ Thông tin bảo mật hoặc sử dụng cho các mục đích ngoài Mục Đích Hợp Tác, Các Bên mong muốn ký Thỏa thuận bảo mật này để đảm bảo các thông tin được cung cấp sẽ được bảo vệ, bảo mật trong quá trình hợp tác,

DO VẬY, Các Bên đồng ý ký kết Thỏa thuận bảo mật thông tin này với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA

- 1.1 **Thỏa Thuận:** là Thỏa thuận bảo mật thông tin này và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
- 1.2 **Thông Tin Bảo Mật:** là các thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc các dạng thông tin khác (chứa đựng dưới mọi hình thức: văn bản viết tay, tài liệu in ấn, dữ liệu ghi trên băng từ và các loại đĩa mềm, đĩa compact, dữ liệu lưu trên máy tính cá nhân, máy ghi âm và các máy móc thiết bị khác...) được cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp bởi và thuộc quyền sở hữu của một Bên (Bên Tiết Lộ) cho Bên còn lại (Bên Tiếp Nhận), bao gồm nhưng không giới hạn: các hợp đồng, thông tin tài chính, báo cáo công việc, báo cáo môi trường, nghiên cứu, dữ liệu kỹ thuật và kinh tế, nhân sự, cơ hội kinh doanh, bí quyết kinh doanh, dự báo, đánh giá kinh tế, chiến lược kinh doanh, thông tin khách hàng, hồ sơ trong máy tính hoặc hệ thống thông tin, các quy định, quy trình nghiệp vụ, công nghệ, các sáng chế hoặc những thông tin khác được hoặc có thể được áp dụng hoặc có liên quan đến công việc kinh doanh hoặc hoạt động của Bên Tiết Lộ, các Đơn Vị Thành Viên và Các Đại Diện tương ứng của Bên Tiết Lộ, cùng với tất cả các tài liệu, dữ liệu nghiên cứu, phân tích hoặc các tài liệu khác được soạn thảo bởi Bên Tiếp Nhận dựa trên toàn bộ hoặc một phần các thông tin nêu trên mà Bên Tiếp Nhận có được từ Bên Tiết Lộ. Thông Tin Bảo Mật không bao gồm những thông tin được loại trừ theo Điều 4 Thỏa Thuận này.
- 1.3 **Dữ Liệu Cá Nhân:** là dữ liệu số hoặc thông tin dưới dạng khác xác định hoặc giúp xác định một con người cụ thể, bao gồm: dữ liệu cá nhân cơ bản và dữ liệu cá nhân nhạy cảm được xác định theo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Dữ Liệu Cá Nhân được đề cập trong Thỏa Thuận này có thể bao gồm nhưng không giới hạn dữ liệu của khách hàng của từng Bên, của cá nhân đại diện của từng Bên và/hoặc cá nhân bất kỳ có liên quan đến Mục Đích Hợp Tác mà trong quá trình ký kết, thực hiện, triển khai Mục Đích Hợp Tác các Bên có thể trao đổi, chuyển giao Dữ Liệu Cá Nhân của các cá nhân này cho nhau.

- 1.4 **Bên Tiết Lộ:** là Bên cung cấp Thông Tin Bảo Mật theo Thỏa Thuận này, tùy theo hoàn cảnh cụ thể là PVcomBank hoặc Đối tác.
- 1.5 **Bên Tiếp Nhận:** là Bên tiếp nhận Thông Tin Bảo Mật được đề cập trong Thỏa Thuận này, tùy theo hoàn cảnh cụ thể là PVcomBank hoặc Đối tác.
- 1.6 **Mục Đích Hợp Tác:** được giải thích trong phần Xét Ràng ở trên.
- 1.7 **Các Đại diện:** là người đại diện, người quản lý, nhân viên/người lao động, đại lý, luật sư, kế toán... của Bên đó.
- 1.8 **Đơn Vị Thành Viên:** là các đơn vị trực thuộc, đơn vị phụ thuộc hoặc công ty con của một Bên.
- 1.9 **Hệ Thống Thông Tin:** là một tập hợp cấu trúc các trang thiết bị phần cứng, phần mềm, ứng dụng, cơ sở dữ liệu và hệ thống mạng để sản xuất, truyền nhận, thu thập, xử lý, lưu trữ, quản lý và trao đổi thông tin số phục vụ cho một hoặc nhiều hoạt động kỹ thuật, nghiệp vụ của mỗi Bên.
- 1.10 **Tài Khoản Truy Cập:** là một tập hợp các thông tin đại diện duy nhất cho người sử dụng trên Hệ Thống Thông Tin, được sử dụng để đăng nhập, truy cập và sử dụng các tài nguyên được cấp phép trên hệ thống, ứng dụng đó.

ĐIỀU 2. TIẾT LỘ THÔNG TIN BẢO MẬT

Bên Tiếp Nhận cam kết, trong suốt thời hạn hiệu lực của Thỏa Thuận này:

- 2.1 Tuyệt đối giữ bí mật đối với những Thông Tin Bảo Mật do Bên Tiết Lộ cung cấp. Bên Tiếp Nhận sẽ không được công bố, phổ biến, tuyên truyền, cung cấp, trao đổi toàn bộ hoặc một phần Thông Tin Bảo Mật dưới bất cứ hình thức, phương thức nào, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, tại bất cứ thời điểm nào hoặc trong bất cứ hoàn cảnh nào khi chưa có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên Tiết Lộ, trừ trường hợp:
 - 2.1.1 Các Đại diện và Đơn vị Thành Viên của Bên Tiếp Nhận được tiếp nhận Thông Tin Bảo Mật trên cơ sở cần phải biết;
 - 2.1.2 Kiểm toán viên, nhà tư vấn nghiệp vụ và bất kỳ người hoặc bộ phận nào của Bên Tiếp Nhận có quyền hoặc nghĩa vụ hợp pháp được truy cập hoặc được biết về các Thông Tin Bảo Mật liên quan đến hoạt động của Bên Tiếp Nhận;
 - 2.1.3 Bên Tiếp Nhận nhận được yêu cầu của tòa án hoặc các cơ quan Nhà nước có

thẩm quyền theo quy định của pháp luật, với điều kiện rằng Bên Tiếp Nhận sẽ cố gắng sử dụng mọi phương thức hợp lý để thông báo bằng văn bản cho Bên Tiết Lộ trước [...] ngày làm việc tính đến ngày cung cấp thông tin theo yêu cầu nói trên. Trường hợp theo quy định của pháp luật, Bên Tiếp Nhận không được thông báo cho Bên Tiết Lộ trước khi tiết lộ thông tin theo quy định, thì Bên Tiếp Nhận cam kết sẽ thông báo cho Bên Tiết Lộ toàn bộ tình huống của việc tiết lộ và phạm vi thông tin đã được tiết lộ ngay khi có thể và hợp pháp. Bên Tiết Lộ chỉ cung cấp phần Thông Tin Bảo Mật mà Bên Tiếp Nhận có nghĩa vụ phải cung cấp theo quy định pháp luật và cam kết tiếp tục duy trì các biện pháp bảo mật Thông tin mật sau khi tiết lộ.

2.1.4 (Các) bên thứ ba giao kết hợp đồng/thỏa thuận với Bên Tiếp Nhận để phục vụ cho việc triển khai/Thực hiện Mục Đích Hợp Tác.

2.2 Phải đảm bảo rằng mọi tổ chức, cá nhân được đề cập tại điểm 1.1 đến điểm 1.4 khoản 1 Điều này trước khi nhận được các Thông Tin Bảo Mật của Bên Tiết Lộ, phải biết về tính bảo mật của thông tin và đồng ý giữ bí mật các Thông Tin Bảo Mật theo các điều khoản của Thỏa Thuận này; sử dụng mọi biện pháp hợp lý để đảm bảo rằng những đối tượng này sẽ tuân thủ các nghĩa vụ nói trên.

2.3 Giám sát và chịu trách nhiệm về việc tuân thủ của các đối tượng được đề cập tại điểm 1.1 đến điểm 1.4 khoản 1 Điều này đối với các điều khoản của Thỏa Thuận; chịu trách nhiệm về bất cứ vi phạm nào đối với Thỏa Thuận này do chính Bên Tiếp Nhận hoặc các đối tượng nêu trên gây ra; bồi thường và đảm bảo Bên Tiết Lộ cũng như Các Đại diện của Bên Tiết Lộ được bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh từ hoặc liên quan đến việc Bên Tiếp Nhận hoặc các đối tượng nêu trên tiết lộ hay sử dụng Thông Tin Bảo Mật khi không được Bên Tiết Lộ cho phép.

2.4 Phải áp dụng và duy trì đầy đủ các biện pháp phù hợp cần thiết để đảm bảo an ninh, an toàn, bảo vệ Thông Tin Bảo Mật khỏi sự truy cập, khai thác, sử dụng, chiếm dụng trái phép/trái pháp luật các Thông Tin Bảo Mật. Việc Bên Tiếp Nhận không biết đến (các) biện pháp để đảm bảo an ninh, an toàn, bảo vệ Thông Tin Bảo Mật, dẫn đến không áp dụng đầy đủ các biện pháp cần thiết theo quy định không phải là lý do loại trừ trách nhiệm của Bên Tiếp Nhận theo Thỏa Thuận này.

2.5 Không sử dụng, tận dụng, khai thác hoặc dưới bất kỳ cách thức nào khác sử dụng các Thông Tin Bảo Mật cho bất kỳ mục đích nào ngoài Mục Đích Hợp Tác nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên Tiết Lộ.

ĐIỀU 3. KHÔNG THU THẬP THÔNG TIN BẢO MẬT NGOÀI MỤC ĐÍCH HỢP TÁC

Một Bên không được cố ý hoặc có ý làm cho Bên còn lại hiểu sai, dẫn đến cung cấp Thông Tin Bảo Mật ngoài Mục Đích Hợp Tác; cũng như không được lợi dụng các

cơ hội để tiếp cận, thu thập, khai thác bất kỳ Thông Tin Bảo Mật nào của Bên còn lại mà không phục vụ cho Mục Đích Hợp Tác.

ĐIỀU 4. BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN (nếu có)

Ngoài việc áp dụng biện pháp bảo mật thông tin theo quy định Thỏa Thuận này, trường hợp thông tin là Dữ Liệu Cá Nhân thì Các Bên phải đảm bảo tuân thủ các quy định sau:

- 4.1. Bên Tiết Lộ đảm bảo những thông tin, dữ liệu cá nhân Bên Tiết Lộ cung cấp cho Bên Tiếp Nhận là phù hợp quy định pháp luật, Bên Tiết Lộ đã thực hiện các thủ tục, điều kiện cần thiết đảm bảo sự chấp thuận của Chủ Thể Dữ Liệu Cá Nhân khi xử lý các Dữ Liệu Cá Nhân này.

Trường hợp có tranh chấp liên quan đến sự đồng ý của Chủ Thể Dữ Liệu Cá Nhân phát sinh, Bên Tiết Lộ chịu trách nhiệm giải quyết với Chủ Thể Dữ Liệu Cá Nhân và/hoặc bên thứ ba, Bên Tiếp Nhận được hoàn toàn miễn trách nhiệm.

- 4.2. Mỗi Bên đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và cung cấp cho Bên còn lại các bằng chứng chứng minh, trong phạm vi hợp lý về việc đáp ứng các điều kiện này.
- 4.3. Mỗi Bên có trách nhiệm áp dụng các biện pháp bảo vệ, bảo mật Dữ Liệu Cá Nhân trong quá trình xử lý, phương án cần thiết và/hoặc theo đề nghị hợp lý của Bên còn lại, bao gồm cả việc bảo vệ trước các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và phòng, chống sự mất mát, phá hủy hoặc thiệt hại do sự cố, sử dụng các biện pháp kỹ thuật để bảo vệ, ngăn chặn truy cập trái phép, chống thất thoát Dữ Liệu Cá Nhân và các thông tin, dữ liệu khác trong quá trình hai Bên thực hiện Mục Đích Hợp Tác.
- 4.4. Bên Tiếp Nhận chỉ được lưu trữ Dữ Liệu Cá Nhân do Bên Tiết Lộ cung cấp trong khoảng thời gian phù hợp với mục đích Xử Lý Dữ Liệu Cá Nhân, thực hiện công việc theo thỏa thuận của Các Bên, phù hợp với quy định pháp luật.
- 4.5. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Bên Tiếp Nhận có nghĩa vụ xóa, trả lại toàn bộ Dữ Liệu Cá Nhân cho Bên Tiết Lộ sau khi kết thúc Xử Lý Dữ Liệu Cá Nhân và/hoặc chấm dứt công việc theo thỏa thuận, tùy theo thời điểm nào đến trước.
- 4.6. Trường hợp Chủ Thể Dữ Liệu Cá Nhân thực hiện các quyền đối với Dữ Liệu Cá Nhân theo quy định pháp luật (bao gồm nhưng không giới hạn quyền yêu cầu cung cấp dữ liệu, xóa dữ liệu, hạn chế xử lý dữ liệu, phản đối xử lý dữ liệu...), Các Bên có nghĩa vụ:
 - a. Thực hiện theo yêu cầu của Chủ Thể Dữ Liệu Cá Nhân trên cơ sở đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật; và
 - b. Thông báo cho Bên còn lại thông tin liên quan để thực hiện yêu cầu của Chủ

Thẻ Dữ Liệu Cá Nhân trong vòng 24 giờ làm việc. Bên nào được xác định là Bên Xử Lý Dữ Liệu Cá Nhân (theo quy định của pháp luật bảo vệ dữ liệu cá nhân) thì có trách nhiệm cung cấp bằng chứng xác nhận đã hoàn tất công việc theo yêu cầu của Chủ Thẻ Dữ Liệu Cá Nhân.

c. Trường hợp Một Bên từ chối yêu cầu, Bên đó phải phản hồi bằng văn bản cho Bên còn lại trong vòng 24 giờ làm việc, trong đó nêu lý do và cung cấp cơ sở pháp lý đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

4.7. Trường hợp phát hiện về việc xảy ra vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân (vi phạm rõ ràng hoặc tiềm tàng khả năng vi phạm), Mỗi Bên có trách nhiệm:

4.7.1 Thông báo cho Bên còn lại ngay lập tức; và

4.7.2 Hỗ trợ, phối hợp với Bên còn lại thực hiện các nghĩa vụ theo quy định pháp luật và/hoặc các hoạt động cần thiết, hợp lý để giảm thiểu tối đa thiệt hại, vi phạm phát sinh.

ĐIỀU 5. CÔNG NHẬN CỦA BÊN TIẾP NHẬN

Bên Tiếp Nhận công nhận và đồng ý rằng:

5.1 Những Thông Tin Bảo Mật của Bên Tiết Lộ là những thông tin độc quyền của Bên Tiết Lộ và được cung cấp cho Bên Tiếp Nhận chỉ nhằm thực hiện Mục Đích Hợp Tác, và Bên Tiếp Nhận không được trao bất cứ quyền lợi nào trong đó.

5.2 Bên Tiết Lộ giữ tất cả quyền sở hữu trí tuệ toàn cầu đối với các Thông Tin Bảo Mật (bao gồm cả các thông tin chưa được cấp chứng nhận đăng ký), và nếu Bên Tiếp Nhận phản hồi lại cho Bên Tiết Lộ về những Thông Tin Bảo Mật mà Bên Tiết Lộ đã gửi thì nội dung phản hồi đó cũng được xem là Thông Tin Bảo Mật của Bên Tiết Lộ.

5.3 Bên Tiếp Nhận sẽ không sử dụng những Thông Tin Bảo Mật để phá hoại, hoặc tìm cách phá hoại, ngăn cản, bỏ qua, loại trừ, hoặc tránh né Bên Tiết Lộ hoặc bất cứ Đại diện nào của Bên Tiết Lộ.

5.4 Bên Tiếp Nhận không được cấp độc quyền đối với Thông Tin Bảo Mật của Bên Tiết Lộ, cũng không được phép đàm phán các giao dịch có liên quan đến các Thông Tin Bảo Mật của Bên Tiết Lộ. Bên Tiết Lộ có thể cung cấp Thông Tin Bảo Mật của mình cho những bên khác tùy theo quyết định riêng của mình (mà không có nghĩa vụ gì đối với Bên Tiếp Nhận), và việc Bên Tiết Lộ cung cấp Thông Tin Bảo Mật cho những bên khác sẽ không làm cho Thông Tin Bảo Mật trở thành Thông tin được loại trừ như được quy định tại Điều 4 Thỏa Thuận này.

5.5 Bên Tiết Lộ không bắt buộc phải cung cấp bất kỳ Thông Tin Bảo Mật nào cho Bên Tiếp Nhận và Bên Tiết Lộ có quyền tự do tiến hành các công việc và đàm phán bất cứ thoả thuận nào liên quan tới Thông Tin Bảo Mật theo quyết định riêng của Bên

Tiết Lộ (bao gồm, nhưng không giới hạn ở việc đàm phán với bất cứ bên nào và ký bất cứ thoả thuận nào mà không cần gửi thông báo trước cho Bên Tiếp Nhận hoặc bất kỳ bên nào khác), và Bên Tiết Lộ có thể đàm phán các thoả thuận liên quan tới Thông Tin Bảo Mật hay các tài sản khác và có thể chấm dứt bất kỳ cuộc thảo luận hay đàm phán nào với Bên Tiếp Nhận theo quyết định của mình vào bất kỳ thời điểm nào với bất kỳ lý do gì hoặc không có lý do.

5.6 Bên Tiết Lộ hoặc Đại diện của Bên Tiết Lộ tại đây không đưa ra bất kỳ tuyên bố hoặc bảo đảm nào về tính chính xác hoặc toàn vẹn của Thông Tin Bảo Mật.

5.7 Bên Tiết Lộ có quyền kiểm tra đột xuất việc tuân thủ bảo mật của Bên Tiếp Nhận.

ĐIỀU 6. THÔNG TIN ĐƯỢC LOẠI TRỪ

6.1 Các nghĩa vụ theo Thoả Thuận này không áp dụng đối với bất kỳ Thông Tin Bảo Mật nào mà:

6.1.1 Thông báo cho Bên còn lại ngay lập tức; và

6.1.2 tại thời điểm công bố thông tin, thông tin đó đã hoặc sau đó trở thành thông tin công cộng không phải là kết quả của bất kỳ hành động hoặc thiếu sót nào bởi Bên Tiếp Nhận hoặc Đại diện của Bên Tiếp Nhận hoặc bất cứ cá nhân nào mà Bên Tiếp Nhận hoặc Đại diện của Bên Tiếp Nhận tiết lộ thông tin;

6.1.3 thông tin đã được biết một cách hợp pháp bởi Bên Tiếp Nhận hoặc Đại diện của Bên Tiếp Nhận trên cơ sở không bảo mật, và không vi phạm bất kỳ luật nào, từ nguồn (không phải là Bên Tiết Lộ) được phép công bố thông tin đó;

6.1.4 thông tin đã thuộc về quyền sở hữu của Bên Tiếp Nhận hay Các Đại diện của Bên Tiếp Nhận hoặc đã được nhận được một cách hợp pháp bởi họ và không lệ thuộc vào một nghĩa vụ bảo mật nào; hoặc

6.1.5 được khai thác, phát triển một cách độc lập bởi Bên Tiếp Nhận hoặc các Đơn vị thành viên của Bên Tiếp Nhận mà không phải là kết quả của việc sử dụng Thông Tin Bảo Mật;

6.1.6 được tiết lộ cho một bên thứ ba theo văn bản uỷ quyền hoặc văn bản chấp thuận từ Bên Tiết Lộ;

6.2 Tuy nhiên, bất kỳ sự kết hợp thông tin nào bao gồm một phần của Thông Tin Bảo Mật không phải là Thông tin độc quyền đơn thuần chỉ vì từng phần riêng rẽ của thông tin đó đã nằm trong phần mô tả thuộc các điều khoản kể trên trừ khi sự kết hợp của chính nó và những nguyên tắc vận hành mà nó nằm trong sự mô tả nêu tại khoản 1 Điều này.

6.3 Bên Tiếp Nhận phải đưa ra được những bằng chứng để chứng minh cho trường hợp ngoại lệ nêu tại khoản 1 Điều này khi được Bên Tiết Lộ yêu cầu.

ĐIỀU 7. CÔNG NHẬN CHUNG

Các Bên thừa nhận và đồng ý rằng:

- 7.1. Việc cung cấp Thông Tin Bảo Mật theo Thỏa Thuận này không được hiểu như một sự biểu thị rằng bất kỳ một quyết định nào đã hoặc sẽ được thực hiện;
- 7.2. Không có điều khoản nào trong Thỏa Thuận bắt buộc hoặc ràng buộc một Bên phải tiến hành, hoặc biểu thị ý định ký kết bất kỳ một hợp đồng nào.
- 7.3. Không một giấy phép nào liên quan đến thương hiệu, nhãn hiệu, quyền sáng chế, bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ được cấp hoặc ngụ ý được cấp bởi Bên Tiết Lộ Thông Tin thông qua Thỏa Thuận này.
- 7.4. Các bên trong Thỏa Thuận này sẽ không hoặc cho phép bên kia đề cập đến các nội dung của Thỏa Thuận này, hay Thông Tin Bảo Mật hay sử dụng tên của một Bên trong các thông báo công khai hay các tài liệu khuyến mại, tiếp thị hoặc bán hàng mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của bên kia.

ĐIỀU 8. HOÀN TRẢ HOẶC HỦY THÔNG TIN BẢO MẬT

8.1 Tại bất kỳ thời điểm nào, dựa trên yêu cầu bằng văn bản của Bên Tiết Lộ, trong vòng 7 (bảy) ngày kể từ ngày có yêu cầu, Bên Tiếp Nhận sẽ hoàn trả tất cả các bản gốc/bản chính của Thông Tin Bảo Mật (trong mọi trường hợp, dưới hình thức bản in hoặc hình thức vật lý khác), và không giữ lại bất cứ bản sao, tóm tắt hoặc trích lục, và kịp thời hủy/xóa vĩnh viễn tất cả bản gốc/bản chính và bản sao các giấy tờ, bản ghi nhớ, ghi chú và những ghi chép khác (dưới tất cả các hình thức, bản in, thư điện tử hoặc hình thức chứa đựng thông tin khác) do Bên Tiếp Nhận và Đại diện của Bên Tiếp Nhận thực hiện dựa trên các Thông Tin Bảo Mật. Bên Tiếp Nhận phải cung cấp văn bản xác nhận việc xóa bỏ, hủy bỏ vĩnh viễn Thông tin bảo mật theo yêu cầu của Bên Tiết Lộ.

8.2 Mặc dù quy định ở trên, Bên Tiếp Nhận được phép giữ lại các bản sao Thông Tin Bảo Mật (do Bên Tiết Lộ cung cấp), các hình thức văn bản của các tài liệu có chứa Thông Tin Bảo Mật (do Bên Tiếp Nhận tạo lập) trong trường hợp pháp luật và tiêu chuẩn nghề nghiệp của Bên Tiếp Nhận quy định về việc lưu trữ Thông Tin Bảo Mật và các tài liệu chứa Thông Tin Bảo Mật đó. Việc giữ lại các Thông Tin Bảo Mật này sẽ đi kèm với trách nhiệm bảo mật của Bên Tiếp Nhận như được nêu tại Thỏa Thuận này.

(Bên Tiếp Nhận cần nêu rõ vấn đề này và thêm điều khoản cụ thể vào trong văn bản sẽ ký)

ĐIỀU 9. SỰ CỐ, BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC

9.1. Khi phát hiện hoặc nghi ngờ có sự cố rò rỉ/lộ, lọt/mất/chiếm dụng/sử dụng trái phép Thông Tin Bảo Mật, Bên Tiếp Nhận phải thông báo ngay lập tức cho Bên Tiết Lộ.

Đồng thời, mỗi Bên cũng sẽ ngay lập tức thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết để ngăn chặn hoặc hạn chế bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào do sự cố trên gây ra.

- 9.2. Bên Tiết Lộ có quyền áp dụng hoặc yêu cầu Bên Tiếp Nhận áp dụng các biện pháp khẩn cấp (tạm khóa Tài Khoản Truy Cập liên quan đến hành vi vi phạm (nếu có)...) hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng với Bên Tiếp Nhận khi phát hiện hành vi vi phạm bảo mật thông tin theo Thỏa Thuận này.

ĐIỀU 10. THỜI HẠN THỎA THUẬN

Thỏa Thuận này sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký và có hiệu lực trong suốt thời hạn hiệu lực của bất kỳ hợp đồng nào được ký giữa các bên, trừ trường hợp bị chấm dứt theo thỏa thuận của Các Bên. Nghĩa vụ đối với mỗi Bên theo Thỏa Thuận sẽ tiếp tục có hiệu lực cho tới khi Thông Tin Bảo Mật được công bố rộng rãi mà không do lỗi của Bên Tiếp Nhận hoặc cho tới khi có văn bản đồng ý của Các Bên về việc chấm dứt hiệu lực Thỏa Thuận này.

ĐIỀU 11. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

Trường hợp Bên Tiết Lộ có hồ sơ, chứng từ chứng minh được Bên Tiếp Nhận vi phạm nghĩa vụ tại Thỏa Thuận này, Bên Tiếp Nhận phải chịu phạt vi phạm bằng 8% nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm; đồng thời bồi thường [mọi thiệt hại thực tế phát sinh cho Bên Tiết Lộ, bao gồm nhưng không giới hạn: các khoản thu nhập thực tế và lợi nhuận trực tiếp bị mất hoặc bị giảm sút mà Bên Tiết Lộ sẽ có được nếu không có hành vi vi phạm của Bên Tiếp Nhận; các khoản tổn thất thực tế mà Bên Tiết Lộ phải chịu do hành vi vi phạm của Bên Tiếp Nhận như các chi phí phát sinh để khắc phục thiệt hại, bồi thường cho bên thứ ba, giải quyết tranh chấp...] hoặc [số tiền là ... đồng].

ĐIỀU 12. THÔNG BÁO

- 12.1. Tất cả các ghi chú, đề nghị, yêu cầu, chấp thuận, từ chối và các thông báo giữa hai Bên phải được lập thành văn bản, được ký bởi người có thẩm quyền của các Bên và chỉ được coi là đã được chuyển giao hợp lệ nếu được gửi bằng thư tay, fax hoặc thư điện tử hoặc hình thức khác đến địa chỉ, số fax của mỗi Bên được nêu dưới đây.

Gửi đến: Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam.

22 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Người nhận: [...]

Điện thoại: [...]

Fax: [...]

Email: [...]

Gửi đến: [Tên đối tác]

[...]

Người nhận: [...]

Điện thoại: [...]

Fax: [...]

Email: [...]

- 12.2. Trong trường hợp có thay đổi về thông tin địa chỉ nêu tại khoản 1 Điều này thì Bên thay đổi phải thông báo cho Bên kia không chậm hơn hai (02) Ngày làm việc trước ngày thay đổi. Trường hợp Bên thay đổi thông tin không thông báo hoặc thông báo chậm trễ cho Bên kia thì Bên thay đổi phải chịu trách nhiệm về những sai sót, thất lạc hoặc chậm trễ xảy ra (nếu có).
- 12.3. Bất kỳ ghi chú, đề nghị, yêu cầu, chấp thuận, từ chối hoặc các thông báo khác được một Bên lập và gửi tới Bên kia sẽ được coi là đã được nhận bởi Bên kia vào thời điểm văn bản giấy được gửi trực tiếp có xác nhận của người nhận: nếu gửi bằng fax hay thư điện tử, được coi là chuyển giao nếu có xác nhận tại thời điểm được truyền đi thành công thông qua bằng chứng là xác nhận tự động.

ĐIỀU 13. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 13.1. Mọi sự điều chỉnh hoặc sửa đổi Thỏa Thuận phải được lập bằng văn bản, được ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ bởi Các Bên.
- 13.2. Trường hợp Bên Tiết Lộ không thực hiện hoặc chậm trễ thực hiện bất kỳ quyền, quyền hạn hoặc đặc quyền nào theo Thỏa Thuận này không phải là sự từ bỏ đối với các quyền, quyền hạn hoặc đặc quyền đó, cũng như không phải sự từ bỏ việc thực hiện một lần hoặc một phần bất kỳ quyền, quyền hạn hoặc đặc quyền nào sẽ ngăn cản bất kỳ việc thực hiện khác hoặc thực hiện trong tương lai đối với các quyền, quyền hạn hoặc đặc quyền theo Thỏa Thuận này.
- 13.3. Nếu tòa án có thẩm quyền quyết định bất kỳ điều khoản nào của Thỏa Thuận vô hiệu, không hợp pháp hoặc không thể thi hành toàn bộ hoặc một phần với bất kỳ lý do gì thì sự vô hiệu, không hợp pháp hoặc không thể thi hành đó sẽ không ảnh hưởng đến khả năng thực thi phần còn lại của Thỏa Thuận, và tất cả các điều khoản của Thỏa Thuận, nếu có nhiều sự giải thích được áp dụng, sẽ được giải thích sao cho duy trì khả năng thực thi của Thỏa Thuận này.
- 13.4. Thỏa Thuận này thể hiện toàn bộ thỏa thuận giữa Các Bên liên quan đến việc tiết lộ Thông Tin Bảo Mật, ràng buộc và có hiệu lực với mỗi Bên và người kế nhiệm tương ứng.
- 13.5. Thỏa Thuận này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Các bên đồng ý rằng bất kỳ hành động pháp lý hay vụ kiện nào phát sinh từ hoặc liên quan

đến Thỏa Thuận này sẽ được giải quyết tại tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam.